

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **77/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 25/8/2020

Về việc: “*Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hoàng.

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà P.T.M.N**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Tân Hiệp, xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn: Ông Đ.V.T**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Tân Hiệp, xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà P.T.M.N trình bày như sau:* Bà và ông Đ.V.T chung sống với nhau vào năm 2000 có tổ chức đám cưới. Hôn nhân của ông bà là tự nguyện, lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 27/9/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm 2018 tới nay, ông T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà và lần cuối cùng về nhà là cách đây 4 tháng. Vì con nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng nhưng đến nay bà không chịu đựng được nữa và nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Đ.T.N.Y, sinh ngày 08/11/2002 và Đ.T.N, sinh ngày 05/10/2006. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Do điều kiện đi làm xa ở Bình Dương nên bà N không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, bà N có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông T đến để tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Bà N được ly hôn ông T. Về con chung: Giao cháu Đ.T.N.Y, sinh ngày 08/11/2002 và Đ.T.N, sinh ngày 05/10/2006 cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Bà N yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bà P.T.M.N (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đ.V.T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông T kết hôn với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 27/9/2002 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà N xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, bà N trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm 2018 tới nay, ông T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà và lần cuối cùng về nhà là cách đây 4 tháng. Vì con nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng nhưng đến nay bà không chịu đựng được nữa và nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Tòa án đã triệu tập ông T để tham gia phiên hòa giải nhưng ông T không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thể hiện ông T không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông T thực tế đã không còn tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung:

Bà N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Đ.T.N.Y, sinh ngày 08/11/2002 và Đ.T.N, sinh ngày 05/10/2006, hiện nay đang sinh sống với bà. Sau ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Ý và cháu Nghĩa hiện nay đang sống với bà N và thời gian ly thân, 02 cháu được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường và 02 cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ (bà N). Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Ý và cháu Nghĩa, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 cháu, giúp 02 cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử giao 02 cháu Ý và cháu Nghĩa cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà N phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà N không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà N và ông T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.T.M.N.

* Về hôn nhân: Bà P.T.M.N được ly hôn với ông Đ.V.T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 00128, ngày 27/9/2002 do Ủy ban nhân dân xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn cấp cho bà P.T.M.N và ông Đ.V.T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 25/8/2020.)

* Về con chung: Giao 02 cháu Đ.T.N.Y, sinh ngày 08/11/2002 và Đ.T.N, sinh ngày 05/10/2006 cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà N không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà N và ông tài có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

* Về án phí sơ thẩm: Bà P.T.M.N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000977 ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà N và ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND h.Thoại Sơn.
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn.
- UBND xã Vọng Thê;
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân